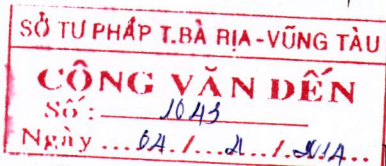


Số : 14 /2014/QĐ-UBND

Bà Rịa, ngày 01 tháng 4 năm 2014



QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành “Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản
và bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu”.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp thu, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đầu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29/3/2013 của Thủ Tướng Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 17/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về điều kiện của tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 129 /TT-STNMT ngày 11 tháng 3 năm 2014 về việc phê duyệt, ban hành “Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản và bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản và bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu” để áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 30/2007/QĐ-UBND ngày 09/5/2007 của UBND Tỉnh ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản và bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Xây dựng, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục K.tra văn bản);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng Cục ĐC và KS Việt Nam;
- T.trực Tỉnh uỷ;
- T.Trực HĐND Tỉnh;
- Đoàn ĐBQH Tỉnh;
- UBMTTQVN Tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo Tỉnh;
- Đài PTTH, Báo BR-VT;
- Lưu VT-TH.

51



Trần Ngọc Thới

QUY ĐỊNH

Về quản lý hoạt động khoáng sản và bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

*(Ban hành kèm theo quyết định số .../2014/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 04 năm 2014 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết việc quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản và hoạt động khoáng sản, việc cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Những nội dung không nêu trong Quy định này được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Quy định này bao gồm:

1. Cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản, môi trường; cơ quan quản lý nhà nước về công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
2. Tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chương II

THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOÁNG SẢN

Điều 3. Thẩm quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước về khoáng sản của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

1. Thẩm quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước về khoáng sản của UBND Tỉnh thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 26, Khoản 1 Điều 36,

Điều 37, Khoản 1 Điều 75, Điều 81, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 82 của Luật Khoáng sản năm 2010 và Khoản 2 Điều 41 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Khoáng sản (gọi tắt là Nghị định số 15/2012/NĐ-CP).

2. UBND Tỉnh ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường ra văn bản thông báo cho các tổ chức, cá nhân được phép thăm dò, khai thác khoáng sản về những vi phạm và thời hạn để khắc phục khi các tổ chức, cá nhân vi phạm một trong các nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 42; các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản năm 2010.

Điều 4. Thẩm quyền và trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường giúp UBND Tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh, có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Trình UBND Tỉnh ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ khoáng sản và quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh; tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt, ban hành.

2. Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố tham mưu UBND Tỉnh khoáng định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; quyết định khu vực hạn chế hoạt động khoáng sản và khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo thẩm quyền; tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt, ban hành.

3. Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố tham mưu UBND Tỉnh trong việc lập, trình HĐND Tỉnh thông qua, UBND Tỉnh phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn; tổ chức công bố công khai, triển khai thực hiện công tác quản lý theo quy hoạch đã được phê duyệt, ban hành.

4. Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố tham mưu UBND Tỉnh ban hành quy hoạch sử dụng đất sau khai thác khoáng sản; phương án cải tạo, phục hồi môi trường khu vực khai thác liên mỏ trên địa bàn tỉnh và tổ chức triển khai thực hiện.

5. Chủ trì tính, thẩm định số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp đối với các khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trình UBND Tỉnh phê duyệt; gửi văn bản phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và số tiền phải nộp trước ngày 31 tháng 12 hàng năm cho Cục thuế tỉnh;

6. Chủ trì xây dựng, điều chỉnh giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh trình UBND Tỉnh phê duyệt và gửi cho Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam trước ngày 30 tháng 10 hàng năm;

7. Kiểm tra, giám sát trong quá trình thi công hệ phương pháp kỹ thuật và các hạng mục công việc được ghi trong Giấy phép thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn để đảm bảo độ tin cậy trong xác định trữ lượng và tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

8. Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định trình UBND Tỉnh:

a) Công nhận chỉ tiêu tính trữ lượng khoáng sản và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn.

b) Cấp, gia hạn, thu hồi Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn, Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; chấp thuận trả lại Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản, Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản.

c) Phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

d) Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

9. Tổ chức thẩm định, phê duyệt Đề án cải tạo phục hồi môi trường, Đề án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung của các dự án khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND Tỉnh theo ủy quyền của UBND Tỉnh.

10. Kiểm tra, xác nhận hoàn thành nội dung cải tạo, phục hồi môi trường theo Đề án cải tạo phục hồi môi trường, Đề án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung của các dự án khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND Tỉnh.

11. Lập, thông báo và bán hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản; tiếp nhận, xét chọn hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu trước và sau phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của UBND Tỉnh.

12. Thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản; tổ chức nghiệm thu kết quả đóng cửa mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép của UBND Tỉnh.

13. Ra văn bản thông báo cho các tổ chức, cá nhân được phép thăm dò, khai thác khoáng sản về những vi phạm và thời hạn để khắc phục khi các tổ chức, cá nhân vi phạm một trong các nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 42; các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản năm 2010 theo ủy quyền của UBND Tỉnh.

14. Giải quyết theo thẩm quyền việc cho thuê đất hoạt động khoáng sản và các vấn đề khác có liên quan cho tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản tại địa phương theo quy định của pháp luật.

15. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản và việc cải tạo, phục hồi môi trường, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản theo thẩm quyền.

16. Tổng hợp tình hình hoạt động khoáng sản; công tác thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tình hình thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; tình hình quản lý, sử dụng tiền ký quỹ và phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh, định kỳ báo cáo UBND Tỉnh và tham mưu cho UBND Tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

17. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khoáng sản.

18. Phối hợp chặt chẽ với Sở Công thương, Sở Xây dựng, các Sở ngành chức năng và UBND cấp huyện trong việc quản lý hoạt động khoáng sản và bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Thẩm quyền và trách nhiệm của Sở Công thương

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan xây dựng, trình UBND Tỉnh phê duyệt Quy hoạch sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để khai thác khoáng sản rắn và Quy hoạch vành đai an toàn tại các mỏ có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Tham gia ý kiến đối với:

a) Thiết kế cơ sở của các Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản thuộc nhóm B, C.

b) Nội dung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình mỏ và thiết kế bản vẽ thi công (đối với các dự án mỏ không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình).

3. Thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ nội dung thiết kế mỏ, công tác an toàn trong khai thác mỏ, việc chấp hành các quy định của pháp luật trong tiêu thụ, xuất khẩu khoáng sản, xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở ngành chức năng và UBND cấp huyện trong việc quản lý hoạt động khoáng sản và bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản theo quy định của Bộ Công thương.

Điều 6. Thẩm quyền và trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Tham gia ý kiến đối với:

a) Thiết kế cơ sở của các Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng và vật liệu cho sản xuất xi măng thuộc nhóm B, C.

b) Nội dung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng, vật liệu cho sản xuất xi măng và thiết kế bản vẽ thi công (đối với các dự án mỏ không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình).

2. Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở ngành chức năng và UBND cấp huyện trong việc quản lý hoạt động khoáng sản và bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng theo quy định của Bộ Xây dựng.

Điều 7. Thẩm quyền và trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Thẩm tra năng lực của tổ chức, cá nhân xin chủ trương đầu tư khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh trước khi trình UBND Tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở ngành chức năng và UBND cấp huyện trong việc quản lý hoạt động khoáng sản và bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Điều 8. Thẩm quyền và trách nhiệm của Sở Giao thông Vận tải

1. Rà soát, xây dựng trình UBND Tỉnh phê duyệt quy hoạch cảng, bến bãi tập kết cát sỏi lòng sông, ven biển theo quy định; xây dựng phương án, địa điểm hạ tải các phương tiện chở quá tải tại các điểm nút giao thông nhằm ngăn chặn hữu hiệu việc vận chuyển trái phép cát, sỏi lòng sông.

2. Tổ chức lập, trình UBND Tỉnh phê duyệt kế hoạch nạo vét bến cảng, khai thông luồng lạch, điều chỉnh dòng chảy theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện kế hoạch nạo vét hàng năm sau khi được phê duyệt. Các dự án nạo vét có kết hợp thu hồi cát, sỏi phải tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Khoáng sản và Quy định này.

3. Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành chức năng, UBND cấp huyện thực hiện công tác quản lý, thanh kiểm tra, xử lý vi phạm đối với:

a) Các hoạt động khai thác cát sỏi lòng sông, ven biển và các hoạt động nạo vét luồng lạch trên sông biển có thu hồi cát, sỏi;

b) Các hoạt động khai thác, kinh doanh bến bãi, vận chuyển, tập kết cát sỏi trái phép hoặc không có nguồn gốc hợp pháp.

c) Kiểm tra, xử lý các phương tiện vận chuyển khoáng sản quá tải, gây ô nhiễm môi trường, xuống cấp cơ sở hạ tầng.

4. Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở ngành chức năng và UBND cấp huyện trong việc quản lý hoạt động khoáng sản và bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Điều 9. Thẩm quyền và trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Thực hiện đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật trong lĩnh vực khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở ngành chức năng và UBND cấp huyện trong việc quản lý hoạt động khoáng sản và bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Điều 10. Thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh

1. Chủ động tiến hành kiểm tra hoặc chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản trong phạm vi đất quốc phòng và liên quan đến lĩnh vực quốc phòng.

2. Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở ngành chức năng và UBND cấp huyện trong việc quản lý hoạt động khoáng sản và bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Điều 11. Thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh

1. Thực hiện đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật trong lĩnh vực khoáng sản; bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại khu vực biên giới, hải đảo.

2. Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở ngành chức năng và UBND cấp huyện trong việc quản lý hoạt động khoáng sản và bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Điều 12. Trách nhiệm của các Sở, Ban, Ngành khác có liên quan

Các Sở, Ban, Ngành có liên quan, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Xây dựng, Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ đội biên phòng tỉnh và UBND các huyện, thành phố trong việc quản lý hoạt động khoáng sản và bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Điều 13. Thẩm quyền và trách nhiệm của UBND huyện, thành phố (gọi chung là UBND cấp huyện), UBND xã, phường, thị trấn (gọi chung là UBND cấp xã).

1. Thẩm quyền và trách nhiệm của UBND cấp huyện:

a) Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về khoáng sản tại địa phương;

b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, khoáng sản chưa khai thác, tài nguyên thiên nhiên khác theo quy định của pháp luật; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; huy động và chỉ đạo phối hợp các lực lượng trên địa bàn để giải tỏa, ngăn chặn hoạt động khoáng sản trái phép; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội tại khu vực có khoáng sản. Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm trước

UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về mọi hoạt động khoáng sản trái phép trên địa bàn quản lý.

c) Giải quyết theo thẩm quyền cho thuê đất hoạt động khoáng sản, sử dụng hạ tầng kỹ thuật và các vấn đề khác có liên quan cho tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản tại địa phương theo quy định của pháp luật;

d) Báo cáo định kỳ hàng năm hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu cho UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tình hình hoạt động khoáng sản trên địa bàn, đồng gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp chung. Báo cáo định kỳ hàng năm gửi về UBND Tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 05 tháng 01 của năm kế tiếp và phải thể hiện được các nội dung chính: tình hình chung; kết quả thanh kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động khoáng sản trên địa bàn; các đề xuất, kiến nghị (nếu có).

đ) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khoáng sản;

e) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản theo thẩm quyền.

g) Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Xây dựng và các cơ quan hữu trách trong việc quản lý hoạt động khoáng sản và bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn.

2. Thẩm quyền và trách nhiệm của UBND cấp xã:

a) Giải quyết theo thẩm quyền cho thuê đất hoạt động khoáng sản, sử dụng hạ tầng kỹ thuật và các vấn đề khác có liên quan cho tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản tại địa phương theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, khoáng sản chưa khai thác, tài nguyên thiên nhiên khác theo quy định của pháp luật; phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hoạt động khoáng sản trái phép; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội tại khu vực có khoáng sản. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về mọi hoạt động khoáng sản trái phép trên địa bàn quản lý.

c) Báo cáo định kỳ hàng năm hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu cho UBND cấp huyện tình hình hoạt động khoáng sản trên địa bàn, đồng gửi cho Phòng Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp chung. Báo cáo định kỳ hàng năm gửi về UBND cấp huyện và Phòng Tài nguyên và Môi trường trước ngày 25 tháng 12 của năm báo cáo và phải thể hiện được các nội dung chính: tình hình chung; kết quả thanh kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động khoáng sản trên địa bàn; các đề xuất, kiến nghị (nếu có).

d) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khoáng sản.

đ) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản theo thẩm quyền.

e) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu trách trong việc quản lý hoạt động khoáng sản và bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn.

Chương III

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN, ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

Điều 14. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản; hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; hồ sơ đóng cửa mỏ đối với các khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn, thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 15. Hình thức tiếp nhận, trả kết quả hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản

1. Hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Sở Tài nguyên và Môi trường.

Hồ sơ đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản được nộp trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản tiếp nhận.

3. Việc trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 16. Điều kiện cấp, gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản

Để được cấp, gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản thì ngoài việc đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010, tổ chức, cá nhân còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Đối với tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới giấy phép khai thác khoáng sản nhưng đã được cấp phép và đang tiến hành khai thác tại các mỏ khoáng sản khác: phải chấp hành tốt các quy định của pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản quy định tại Khoản 2 Điều 55, Luật Khoáng sản năm 2010 tại mỏ đang có hoạt động khai thác, được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xác nhận.

2. Đối với tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới giấy phép khai thác khoáng sản nhưng có mỏ khoáng sản khác thuộc đối tượng phải cải tạo, phục hồi môi

trường sau khi kết thúc khai thác: phải hoàn thành nghĩa vụ ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường và thực hiện xong việc cải tạo, phục hồi môi trường đối với mỏ đã kết thúc khai thác, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận.

3. Đối với tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản: phải hoàn thành nghĩa vụ ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đến thời điểm đề nghị gia hạn hoặc chuyển nhượng, đồng thời phải hoàn thành việc cải tạo, phục hồi môi trường đối với các diện tích không còn sử dụng phục vụ cho hoạt động khai thác, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận.

Điều 17. Hồ sơ, trình tự thủ tục cấp, gia hạn, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản

1. Hồ sơ và trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại các Điều 29, 35, 36, 39, Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Khoáng sản và Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản (sau đây gọi tắt là Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT).

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân tiến hành thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản từ trữ lượng có mức độ nghiên cứu địa chất thấp lên trữ lượng có mức độ nghiên cứu địa chất cao hơn hoặc khi thăm dò nâng cấp từ cấp tài nguyên lên thành cấp trữ lượng trong khu vực được phép khai thác khoáng sản thì không phải làm thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, nhưng trước khi thực hiện, tổ chức, cá nhân phải thông báo chương trình, kế hoạch, khối lượng công tác thăm dò nâng cấp cho UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Sở Tài nguyên và Môi trường và trình duyệt kết quả thăm dò theo quy định.

Điều 18. Hồ sơ, trình tự thủ tục cấp, gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản bao gồm:

a) Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Khoáng sản.

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Đề án cải tạo phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản kèm quyết định phê duyệt của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29/3/2013 của Thủ Tướng Chính phủ về cải tạo, phục

hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (sau đây gọi tắt là Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29/3/2013 của Thủ Tướng Chính phủ).

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản:

Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản phải nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường khi Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực ít nhất là 45 ngày, bao gồm:

a) Các văn bản quy định tại Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Khoáng sản.

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Đề án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản kèm quyết định phê duyệt của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29/3/2013 của Thủ Tướng Chính phủ.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện:

Trình tự, thủ tục thực hiện việc cấp, gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định tại các Điều 37, 39, Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ và Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 19. Hồ sơ, trình tự thủ tục trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản

Hồ sơ và trình tự, thủ tục trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định tại các Khoản 3, 4 Điều 31 và Điều 39, Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ và Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 20. Hồ sơ, trình tự thủ tục thẩm định, phê duyệt trữ lượng khoáng sản

1. Hồ sơ và trình tự thủ tục thẩm định, phê duyệt trữ lượng khoáng sản tuân theo quy định tại các Điều 30, 40, Nghị định số 15/2012/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân tiến hành thăm dò nâng cấp trữ lượng trong phạm vi diện tích, độ sâu được phép khai thác thì hồ sơ thẩm định, phê duyệt trữ lượng khoáng sản không bao gồm Đề án thăm dò và Giấy phép thăm dò khoáng sản.

Điều 21. Đăng ký khu vực hoạt động khoáng sản

1. Giấy phép hoạt động khoáng sản, kể cả Giấy phép gia hạn do UBND Tỉnh cấp kèm theo bản đồ khu vực hoạt động khoáng sản được chuyển đến đăng ký tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Tổ chức đăng ký và thu lệ phí cấp phép theo quy định.

b) Gửi Giấy phép hoạt động khoáng sản đến Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản để báo cáo, các Sở ngành chức năng và UBND cấp huyện nơi có mỏ để biết, phối hợp quản lý.

c) Cấp bản sao Giấy phép hoạt động khoáng sản và bản đồ khu vực hoạt động khoáng sản cho tổ chức, cá nhân để tiếp tục thực hiện thủ tục thuê đất hoạt động khoáng sản và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

d) Giao bản chính Giấy phép hoạt động khoáng sản và bản đồ khu vực hoạt động khoáng sản cho tổ chức, cá nhân ngay sau khi tổ chức, cá nhân chứng minh đã đủ điều kiện để được phép sử dụng đất cho hoạt động khoáng sản và hoàn tất các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Trách nhiệm phối hợp thẩm định cấp phép hoạt động khoáng sản (đảm)

1. Trong trường hợp cần thiết phải lấy ý kiến của UBND cấp huyện (nơi có mỏ) và các cơ quan có liên quan trước khi trình UBND Tỉnh cấp phép hoạt động khoáng sản cho các tổ chức, cá nhân, trong thời hạn năm (5) ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ xin cấp phép hoạt động khoáng sản của tổ chức, cá nhân, Sở Tài nguyên và Môi trường phải có văn bản hỏi ý kiến. Văn bản này được thông báo đến tổ chức, cá nhân để biết về quá trình giải quyết hồ sơ.

2. Trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận được văn bản hỏi ý kiến, các cơ quan được hỏi ý kiến phải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Sau thời hạn nêu trên mà các cơ quan được hỏi ý kiến không có văn bản trả lời thì được coi như đã đồng ý với việc cấp phép hoạt động khoáng sản.

3. Thời gian Sở Tài nguyên và Môi trường lấy ý kiến của các cơ quan hữu quan không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Chương IV KHAI THÁC KHOÁNG SẢN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THƯỜNG Ở KHU VỰC CÓ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 23. Nguyên tắc chung

1. Những nội dung quy định tại chương này nhằm cụ thể hóa Khoản 1 Điều 65 Luật Khoáng sản năm 2010, áp dụng đối với việc khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong phạm vi thiết kế của dự án đầu tư xây dựng công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và không bắt buộc phải tiến hành thăm dò trước khi khai thác.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và thực hiện các quy định về cải tạo, phục hồi môi trường, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường như đối với hoạt động khai thác khoáng sản tại các mỏ trong quy hoạch của tỉnh.

3. Trường hợp khai thác vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất của dự án đầu tư xây dựng công trình đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó thì tổ chức, cá nhân không phải đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.

Trước khi tiến hành khai thác khoáng sản, tổ chức, cá nhân phải đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác tại UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường và phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khối lượng khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường đã sử dụng để xây dựng công trình.

Điều 24. Hồ sơ, trình tự thủ tục cấp Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Thành phần hồ sơ:

a) Bản chính Đơn đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản và Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản lập theo mẫu quy định tại Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trong đó có chức năng khai thác khoáng sản.

c) Hồ sơ dự án và thiết kế công trình, kèm Bản sao có chứng thực văn bản thẩm định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

d) Bản sao có chứng thực Giấy phép xây dựng (đối với công trình phải có Giấy phép xây dựng).

đ) Bản sao có chứng thực quyết định giao đất hoặc cho thuê đất để xây dựng công trình và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

e) Bản sao có chứng thực Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án đầu tư xây dựng công trình kèm quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước có

thẩm quyền theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, trong đó có nội dung khai thác khoáng sản. Trường hợp trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường chưa có nội dung khai thác khoáng sản thì phải lập thủ tục bổ sung theo quy định.

g) Bản sao có chứng thực Đề án cải tạo phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản kèm quyết định phê duyệt của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29/3/2013 của Thủ Tướng Chính phủ.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ. Riêng Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản là 04 bản.

3. Trình tự thủ tục cấp phép: thực hiện theo quy định tại Điều 37, Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ.

Điều 25. Hồ sơ, trình tự thủ tục gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Thành phần hồ sơ:

a) Bản chính đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản lập theo mẫu quy định tại Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tại thời điểm đề nghị gia hạn lập theo mẫu quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản.

c) Bản chính Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản đến thời điểm đề nghị gia hạn; trữ lượng khoáng sản còn lại và diện tích đề nghị được tiếp tục khai thác.

d) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.

đ) Bản sao có chứng thực Đề án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản kèm quyết định phê duyệt của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29/3/2013 của Thủ Tướng Chính phủ.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Trình tự thủ tục gia hạn: thực hiện theo quy định tại Điều 39, Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ.

Chương V

CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG VÀ KÝ QUỸ CẢI TẠO PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG TRONG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Điều 26. Đối tượng phải cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác các mỏ khoáng sản trong quy hoạch khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, trừ khai thác nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

2. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình, trừ trường hợp khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng để phục vụ cho việc xây dựng công trình đó.

Điều 27. Yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường

1. Đảm bảo đưa môi trường, hệ sinh thái tại khu vực khai thác khoáng sản và khu vực bị ảnh hưởng của các hoạt động trên về trạng thái môi trường gần với trạng thái môi trường ban đầu hoặc đạt được các tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn và môi trường, đảm bảo an toàn và phục vụ các mục đích có lợi cho con người theo quy định cụ thể tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29/3/2013 của Thủ Tướng Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

2. Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch khai thác khoáng sản; quy hoạch sử dụng đất và bảo vệ môi trường của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường ngay trong quá trình khai thác khoáng sản.

4. Phù hợp với phương án cải tạo, phục hồi môi trường do UBND Tỉnh ban hành đối với các dự án khai thác khoáng sản nằm trong khu vực khai thác liên mỏ.

Điều 28. Phân khu, phân kỳ khai thác và phân khu, phân kỳ cải tạo, phục hồi môi trường

1. Phân khu, phân kỳ khai thác và phân khu, phân kỳ cải tạo, phục hồi môi trường áp dụng đối với các hồ sơ xin cấp mới, gia hạn, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản tại các mỏ trong quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản của tỉnh.

2. Việc tính toán phân khu, phân kỳ khai thác và phân khu, phân kỳ cải tạo, phục hồi môi trường phải đảm bảo phù hợp với đặc điểm địa hình, địa chất mỏ, loại hình khoáng sản, diện tích và trữ lượng mỏ, công suất, thời gian và điều kiện khai thác mỏ, quy chuẩn kỹ thuật – an toàn quốc gia về khai thác

mỏ và yêu cầu của công tác cải tạo, phục hồi môi trường; phân khu, phân kỳ cải tạo, phục hồi môi trường phải phù hợp với phân khu, phân kỳ khai thác mỏ.

3. Kể từ thời điểm Quy định này có hiệu lực, tất cả các dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ, Báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường, đề án cải tạo phục hồi môi trường, đề án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đều phải tính toán phân khu, phân kỳ khai thác và phân khu, phân kỳ cải tạo, phục hồi môi trường.

Các Sở ngành chức năng, UBND các huyện không xem xét, thẩm định các dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ, Báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường, đề án cải tạo phục hồi môi trường, đề án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đối với các hồ sơ không đáp ứng các quy định về phân khu, phân kỳ khai thác và phân khu, phân kỳ cải tạo, phục hồi môi trường.

4. Nội dung phân khu, phân kỳ khai thác, phân khu, phân kỳ cải tạo, phục hồi môi trường và các biện pháp chế tài phải được quy định cụ thể trong Giấy phép khai thác khoáng sản cấp cho tổ chức, cá nhân.

5. Khi kết thúc khai thác một phân khu, tổ chức, cá nhân phải hoàn thành việc cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng đề án cải tạo phục hồi môi trường hoặc đề án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận mới được tiếp tục khai thác phân khu kế tiếp.

Điều 29. Quy định đối với các mỏ khoáng sản đã được cấp phép khai thác không thuộc trường hợp phải phân khu, phân kỳ khai thác và phân khu, phân kỳ cải tạo, phục hồi môi trường

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác các mỏ khoáng sản nằm trong quy hoạch khai thác khoáng sản của tỉnh, nhưng không thuộc trường hợp phải phân khu, phân kỳ khai thác và phân khu, phân kỳ cải tạo, phục hồi môi trường nêu tại Điều 28 của Quy định này có trách nhiệm thực hiện việc cải tạo, phục hồi môi trường đối với phần diện tích không còn sử dụng phục vụ cho hoạt động khai thác khoáng sản theo đúng nội dung đề án cải tạo phục hồi môi trường hoặc đề án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được thẩm định, phê duyệt.

2. Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với UBND cấp huyện nơi có mỏ và các cơ quan có liên quan tiến hành kiểm tra, xác định diện tích tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản không còn sử dụng phục vụ cho hoạt động khai thác khoáng sản để yêu cầu tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện việc cải tạo, phục hồi môi trường; đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của tổ chức, cá nhân và xử lý các vi phạm theo quy định.

Điều 30. Mục đích và nguyên tắc của việc ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường

1. Mục đích của ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường là để đảm bảo tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện việc cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc của việc ký quỹ:

a) Địa chỉ nộp tiền ký quỹ: tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

b) Tiền ký quỹ được nộp, hoàn trả bằng tiền đồng Việt Nam.

c) Tiền ký quỹ được hưởng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn và được tính từ thời điểm ký quỹ.

d) Tổ chức, cá nhân chỉ được rút tiền lãi một lần sau khi có giấy xác nhận hoàn thành toàn bộ nội dung cải tạo, phục hồi môi trường.

Điều 31. Nguyên tắc và cách tính khoản tiền ký quỹ, thời gian ký quỹ

1. Số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường phải được tính toán trên nguyên tắc đảm bảo đủ để tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã lựa chọn.

2. Tổng số tiền ký quỹ bằng tổng kinh phí thực hiện của các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29/3/2013 của Thủ Tướng Chính phủ.

3. Kinh phí thực hiện từng hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường phải áp dụng đơn giá của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tại thời điểm lập đề án cải tạo phục hồi môi trường hoặc đề án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung. Trường hợp địa phương không có đơn giá, định mức thì áp dụng theo quy định của Bộ, ngành tương ứng hoặc theo địa phương cùng khu vực.

4. Thời gian ký quỹ được xác định như sau:

a) Đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản mới thì thời gian ký quỹ được xác định theo dự án đầu tư khai thác khoáng sản được phê duyệt.

b) Đối với các khu vực khai thác khoáng sản đã được cấp Giấy phép khai thác thì thời gian ký quỹ xác định theo thời hạn còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản.

c) Đối với trường hợp Giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn khai thác khác với thời gian đã tính trong Đề án hoặc Đề án bổ sung được phê duyệt thì tổ chức, cá nhân điều chỉnh nội dung và dự toán số tiền ký quỹ theo Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp và gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để xem xét, điều chỉnh.

Điều 32. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các Giấy phép khai thác khoáng sản trước đây thuộc thẩm quyền phê duyệt dự án cải tạo phục hồi môi trường của UBND cấp huyện theo Quyết định số 71/2008/QĐ-TTg ngày 29/5/2008 của Thủ Tướng Chính phủ về ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản, UBND cấp huyện tiếp tục đôn đốc, kiểm tra và xác nhận việc hoàn thành công tác cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân, xử lý vi phạm theo quy định và báo cáo kết quả cho UBND Tỉnh, đồng gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp chung.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của UBND cấp huyện; tổng hợp tình hình cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh, định kỳ báo cáo UBND Tỉnh để chỉ đạo và tham mưu UBND Tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Chương VI

ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

Điều 33. Đối tượng và trường hợp phải đóng cửa mỏ khoáng sản

Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản, kể cả các trường hợp khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình phải lập, trình duyệt đề án đóng cửa mỏ và thi công đóng cửa mỏ khoáng sản đối với toàn bộ hoặc một phần diện tích khai thác khoáng sản trong các trường hợp sau đây:

1. Đã khai thác hết toàn bộ hoặc một phần trữ lượng.
2. Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực nhưng chưa khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong khu vực khai thác khoáng sản.

Điều 34. Lập và tổ chức thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản

1. Chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản xác nhận đã hoàn thành công tác cải tạo, phục hồi môi trường, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải hoàn thành đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và nộp hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản về Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với các khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường và than bùn) hoặc Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản (đối với các khoáng sản còn lại), để tổ chức thẩm định, trình UBND Tỉnh hoặc Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt trước khi thi công đóng cửa mỏ.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường và than bùn giải thể, phá sản hoặc không có khả năng thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thì Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu UBND Tỉnh quyết định lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ năng lực lập, thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

Kinh phí thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được lấy từ tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản.

Điều 35. Nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, hồ sơ, trình tự thẩm định, phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, nghiệm thu và quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản

Nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, hồ sơ, trình tự thẩm định, phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, nghiệm thu và quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản tuân theo quy định tại các Điều 26, 27, 28, 33, Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản và Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chương VII
QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC PHỐI HỢP KIỂM TRA

Điều 36. Xây dựng kế hoạch kiểm tra

1. Tùy theo chức năng, nhiệm vụ được giao, trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, các Sở ngành chức năng, UBND cấp huyện phải hoàn thành việc xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra hoạt động khoáng sản, công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản, công tác cải tạo, phục hồi môi trường và đóng cửa mỏ khoáng sản của năm kế tiếp gửi UBND Tỉnh để báo cáo và Thanh tra tỉnh để tổng hợp, theo dõi.

2. Kế hoạch kiểm tra phải bao gồm các nội dung chính:

- a) Mục đích yêu cầu và nội dung kiểm tra.
- b) Phạm vi, đối tượng kiểm tra.
- c) Cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.
- d) Thời gian và kinh phí thực hiện.

3. Việc kiểm tra theo kế hoạch chỉ thực hiện không quá 01 lần/năm đối với 01 Giấy phép khai thác khoáng sản.

Điều 37. Phối hợp kiểm tra theo kế hoạch

1. Chậm nhất là 7 ngày làm việc trước ngày dự kiến kiểm tra, cơ quan chủ trì có trách nhiệm gửi giấy mời đến các cơ quan phối hợp kiểm tra, đồng thời có văn bản thông báo kế hoạch kiểm tra kèm theo những yêu cầu cụ thể để tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng kiểm tra chuẩn bị báo cáo và các hồ sơ có liên quan.

2. Cơ quan được mời phối hợp kiểm tra có trách nhiệm phân công, điều động cán bộ có chuyên môn và vị trí công tác phù hợp tham gia đoàn kiểm tra.

3. Cán bộ được phân công tham gia đoàn kiểm tra có trách nhiệm chuẩn bị các nội dung, hồ sơ có liên quan; tham gia đoàn kiểm tra đầy đủ theo kế hoạch.

4. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng kiểm tra có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ báo cáo và các hồ sơ có liên quan theo yêu cầu của đoàn kiểm tra, cử đại diện có thẩm quyền làm việc với đoàn kiểm tra và tạo điều kiện thuận lợi cho đoàn kiểm tra hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 38. Phối hợp kiểm tra ngoài kế hoạch

1. Trong trường hợp cần tiến hành kiểm tra theo chỉ đạo của UBND Tỉnh hoặc do yêu cầu thực tế phát sinh, chậm nhất là 3 ngày làm việc trước ngày dự kiến kiểm tra, cơ quan chủ trì có trách nhiệm gửi giấy mời đến các cơ quan phối hợp kiểm tra, đồng thời có văn bản thông báo kế hoạch kiểm tra kèm theo những yêu cầu cụ thể để tổ chức, cá nhân ~~cá nhân~~ thuộc đối tượng kiểm tra chuẩn bị báo cáo và các hồ sơ có liên quan.

Cơ quan được mời phối hợp kiểm tra, cán bộ được phân công tham gia đoàn kiểm tra và tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng kiểm tra có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các yêu cầu nêu tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 37 của Quy định này.

2. Trong trường hợp đặc biệt cần tiến hành kiểm tra đột xuất nhằm ngăn chặn ngay hoạt động khoáng sản trái phép hoặc ngăn chặn ngay nguy cơ xảy ra mất an toàn, cảnh quan môi trường, việc tổ chức phối hợp kiểm tra có thể thông qua hình thức liên lạc điện thoại trực tiếp và có thể không thông báo trước cho tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra.

Trong trường hợp này, Lãnh đạo cơ quan chủ trì kiểm tra có trách nhiệm điện thoại đến Lãnh đạo các cơ quan đề nghị phối hợp kiểm tra để thông báo về mục đích yêu cầu, nội dung kiểm tra; địa bàn, đối tượng, thời gian và cách thức phối hợp kiểm tra.

Lãnh đạo cơ quan được mời phối hợp kiểm tra có trách nhiệm khẩn trương phân công, điều động cán bộ có chuyên môn và vị trí công tác phù hợp tham gia đoàn kiểm tra.

Tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra có trách nhiệm báo cáo và cung cấp đầy đủ các thông tin, hồ sơ có liên quan theo yêu cầu của đoàn kiểm tra.

Chương VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 39. Trách nhiệm của các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố

1. Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố căn cứ vào nhiệm vụ đã được quy định cụ thể tại Chương II của Quy định này tổ chức triển khai, thực hiện.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quy định này. *Si*

Si

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K.T. CHỦ TỊCH *Th*

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Thới